TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số:17/2024/ST-HNGĐ
Ngày 30 / 01 /2024
"V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lữ Thị Dung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Thanh; Bà Phạm Thị Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị D - sinh năm 1986** – có mặt.
- **Bị đơn: Anh Hoàng Văn X - sinh năm 1987** - vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Bản T, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Trịnh Thị D trình bày:

- Về tình cảm: Chị Trịnh Thị D và anh Hoàng Văn X kết hôn vào ngày 10/7/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 3 năm, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh X nghiện ma túy, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên bất đồng, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh X không quan tâm đến gia đình, vợ con, mặc dù đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải, khuyên nhủ nhưng anh X không từ bỏ ma túy, mà còn có hành vi bạo lực gia đình,

vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trịnh Thị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị D có 02 người con chung là Hoàng Phi L – sinh ngày 07/6/2010 và Hoàng Thị H – sinh ngày 14/7/2014, hiện đang sinh sống cùng ông bà nội, nếu ly hôn chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 người con chung và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị D không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Hoàng Văn X đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị D; Về con chung: Giao 02 người con chung Hoàng Phi L - sinh ngày 07/6/2010 và Hoàng Thị H - sinh ngày 14/7/2014 cho chị Trịnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại Bản T, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trịnh Thị D và anh Hoàng Văn X tại UBND xã B, huyện C cho biết, sau khi kết hôn vợ chồng chị D và anh X sinh sống tại Bản T, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh X nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn nên chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh X hiện tại thì không có mặt ở địa phương đi đâu, làm gì, địa chỉ cụ thể thì chính quyền, địa phương không biết. Tại biên bản lấy lời khai ông Hoàng Đức T - Trú tại Bản T, xã B, huyện C là bố đẻ của anh X cho biết, sau khi chị D và anh X kết hôn thì sinh sống cùng gia đình ông, mấy năm trở lại đây có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh X theo bạn bè xấu nên nghiện ma túy, có lúc bạo hành vợ, con, gia đình cũng đã khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng không thành, năm 2018 chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh X sau đó cũng đi làm thỉnh thoảng ngày lễ, ngày tết có về thăm con, thỉnh thoảng có gọi điện về thăm bố mẹ và con cái, còn địa chỉ cụ thể thì ông không biết, ông T mặc dù đã được nghe đọc lại biên bản lấy lời khai, xác nhận lời khai của ông là đúng sự thật nhưng không ký vào biên bản, cũng không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đến tống đạt cho anh X nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi anh X cư trú và tại trụ sở UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được coi là cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tụng chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn X đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn X theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn X không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy chị Trịnh Thị D và anh Hoàng Văn X đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn

theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị D và anh Hoàng Văn X là hợp pháp.

Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng chị D và anh X phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, như vậy chị D và anh X đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh Hoàng Văn X vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương và gia đình cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng chị D và anh X có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân với từ năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hiện tại anh X không có mặt ở địa phương đi đâu chính quyền, địa phương không biết. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Trịnh Thị D và anh Hoàng Văn X không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn cho chị Trịnh Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn X.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị D có 02 người con chung là Hoàng Phi L – sinh ngày 07/6/2010 và Hoàng Thị H - sinh ngày 14/7/2014, hiện đang sinh sống cùng ông bà nội, nếu ly hôn chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 người con chung và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Do hiện nay anh X không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh X nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét thấy nguyện vọng của chị D là chính đáng, cháu L và cháu H có nguyện vọng được sinh sống cùng chị D, để đảm bảo quyền lợi của con nên xét giao 02 người con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trịnh Thị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị D được ly hôn với anh Hoàng văn X1. Chị Trịnh Thị D và anh Hoàng Văn X chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 02 người con chung là Hoàng Phi L – sinh ngày 07/6/2010 và Hoàng Thị H - sinh ngày 14/7/2014 cho chị Trịnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi, trưởng thành. Anh Hoàng Văn X có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị Trịnh Thị D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trịnh Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0000844 ngày 19/10/2023.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NA;*
- *VKSND huyện Con Cuông;*
- *Chi cục THADS huyện Con Cuông;*
- *Nguyên đơn, bị đơn;*
- *UBND xã B;*
- *Lưu hồ sơ -VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lữ Thị Dung